

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số số 548/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Nguyễn Duy N** – Sinh năm 1984.

Bà **Trần Thị Ngọc H** – Sinh năm 1985 .

Cùng trú tại: phường K, quận L, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Duy N và bà Trần Thị Ngọc H kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Q, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, không còn tình cảm với nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông N và bà H đã thật tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông N và bà H.

[2] Về con chung:

Ông Nguyễn Duy N và bà Trần Thị Ngọc H cùng xác nhận có 01 con chung Nguyễn Trần Huyền T1 – Sinh ngày 29.11.2010. Ông N và bà H thống nhất thỏa thuận: Ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của các con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Duy N và bà Trần Thị Ngọc H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Duy N và bà Trần Thị Ngọc H xác nhận không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị Ngọc H tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Duy N và bà Trần Thị Ngọc H thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2009 ngày 07.9.2009 của UBND xã B, huyện T, tỉnh Q không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Nguyễn Duy N và bà Trần Thị Ngọc H thống nhất thỏa thuận: Ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Duy N và bà Trần Thị Ngọc H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Duy N và bà Trần Thị Ngọc H xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) bà Trần Thị Ngọc H tự nguyện nộp và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005917 ngày 27.12.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Văn Trình